

CTCP Văn hóa Phương Nam (HSX: PNC)

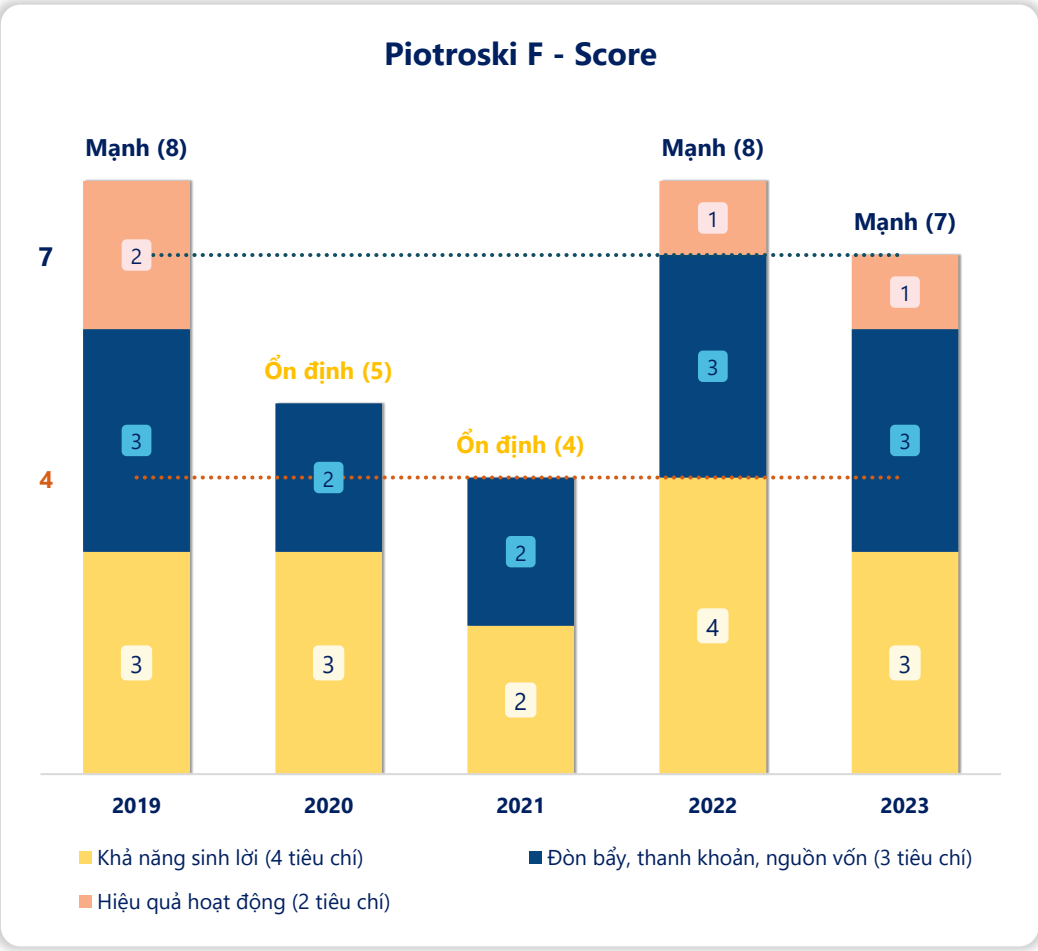
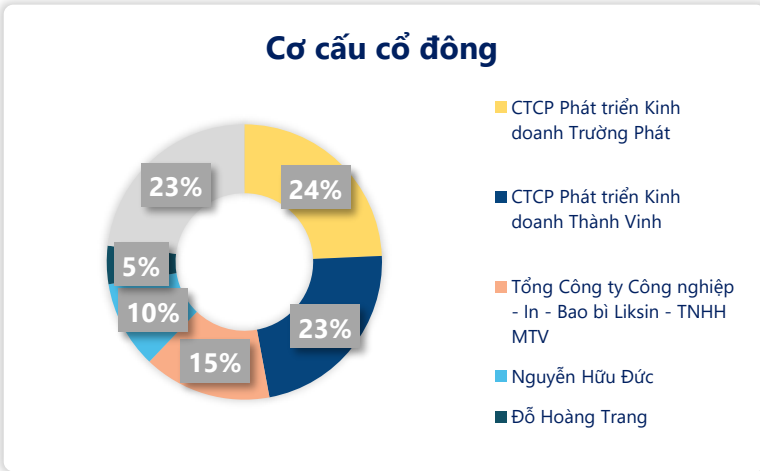
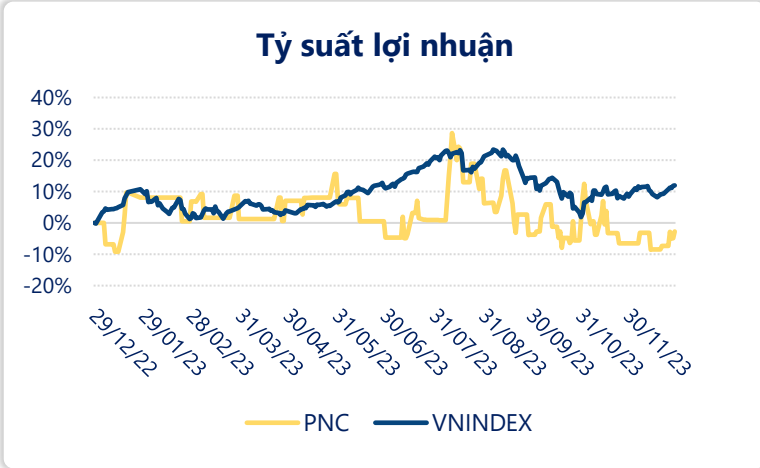
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	9,000 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.0%	0%	2.0%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	7/9
	(Mạnh)

DT thuần	2023
	653
	tỷ VNĐ
	YoY ▼ 58.0
	▼ 8.1%

LN sau thuế	2023
	16.8
	tỷ VNĐ
	YoY ▲ 3.50
	▲ 26.6%

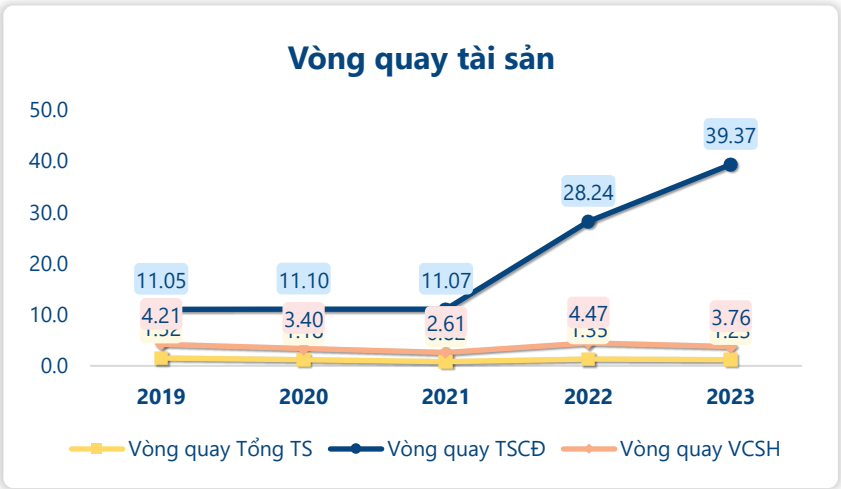
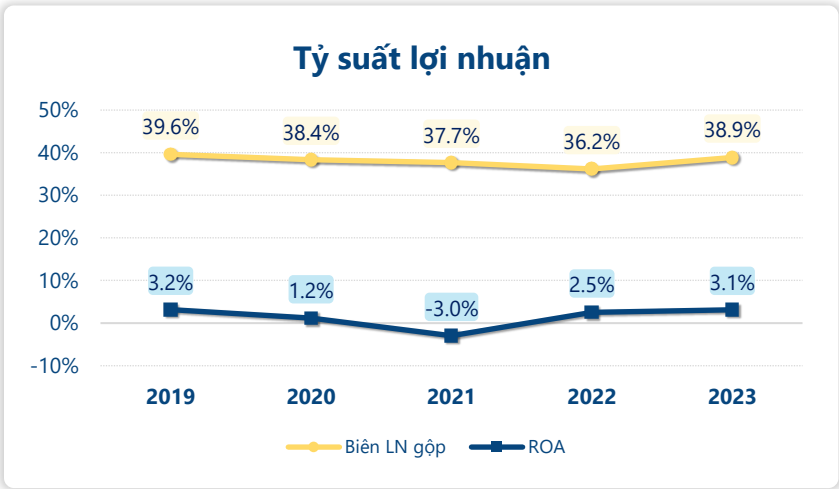
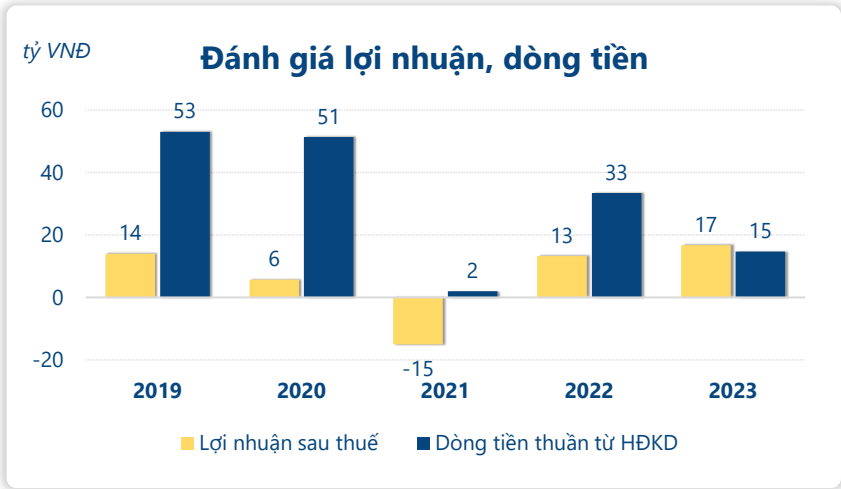


Năm **2023**, F-Score của **PNC** đạt **7/9** thấp hơn năm trước nhưng sức khỏe tài chính vẫn thuộc vùng "**Mạnh**".

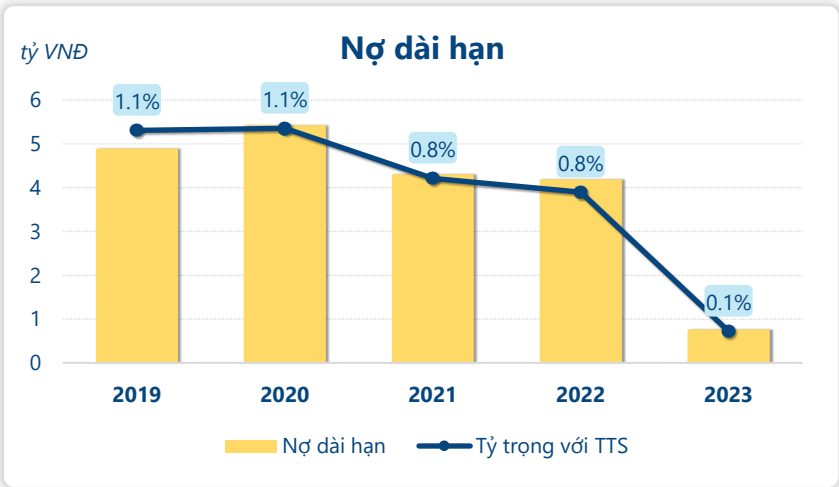
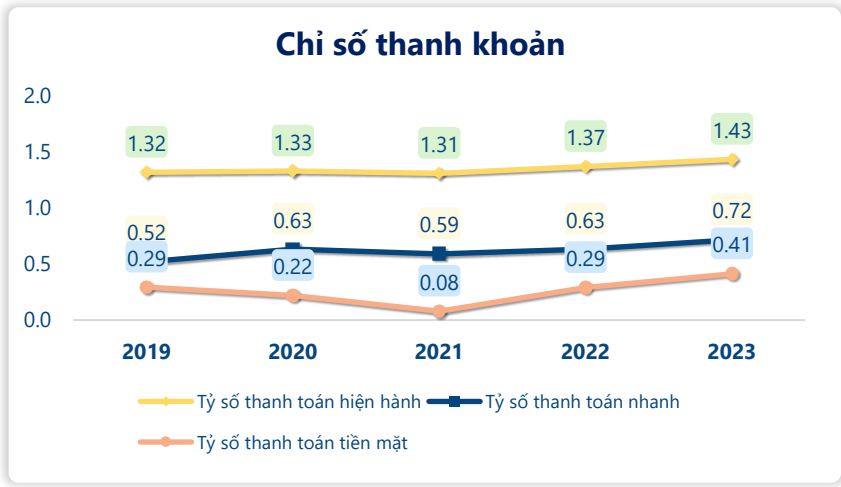
Trong đó, khả năng sinh lời **giảm** xuống còn **3/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức **3/3** điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm **1/2** ở mức ổn định so với năm trước.

Với điểm số F-Score cao cho thấy tình hình kinh doanh ổn định và hiệu quả trong quản lý tài sản và có sự ổn định tài chính trong dài hạn. Tuy nhiên vẫn cần phải xem xét các yếu tố về tài chính và chiến lược của công ty.

CTCP Văn hóa Phương Nam (HSX: PNC)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **PNC**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh nhỏ hơn lợi nhuận sau thuế cho thấy chất lượng lợi nhuận không được đánh giá cao nhưng 2 chỉ tiêu này đều dương nghĩa là công ty vẫn tạo ra lợi nhuận và có lượng tiền mặt để duy trì hoạt động. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	528	538	-1.9%
Tài sản ngắn hạn	495	505	-2.0%
Tiền và tương đương tiền	142	107	33.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.9	25.6	79.3%
Phải thu ngắn hạn	54.6	97.0	-43.7%
Hàng tồn kho	248	271	-8.8%
Tài sản ngắn hạn khác	4.31	4.01	7.5%
Tài sản dài hạn	33.2	33.3	-0.2%
Phải thu dài hạn	11.4	9.49	20.3%
Tài sản cố định	13.7	19.5	-30.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.50	0.25	1709%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1.12	1.48	-24.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	350	372	-5.9%
Nợ ngắn hạn	350	368	-5.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	265	281	-5.7%
Nợ dài hạn	0.76	4.20	-81.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	177	165	7.1%
Vốn chủ sở hữu	177	165	7.1%
Vốn điều lệ	110	110	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	675	570	417	711	653
Giá vốn hàng bán	407	351	260	454	399
Lợi nhuận gộp	267	219	157	257	254
Doanh thu HĐTC	12.1	15.0	12.3	8.77	21.3
Chi phí TC	0.54	0.00	0.01	0.00	0.39
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	228	203	162	217	219
Chi phí QLDN	30.6	26.8	23.4	28.8	33.4
LN thuần từ HĐKD	20.1	4.08	-16.0	20.3	22.1
Lợi nhuận khác	-4.23	1.84	1.22	-2.64	1.06
LN trước thuế	15.9	5.92	-14.8	17.7	23.2
Lợi nhuận sau thuế	14.0	5.63	-15.1	13.3	16.8
LNST của CĐ cty mẹ	14.0	5.63	-15.1	13.3	16.8

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	53.0	51.4	2.00	33.4	14.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.8	-63.0	-41.6	45.1	20.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.07	0.00	-5.41	0	0
Tiền đầu kỳ	52.6	84.8	73.1	28.1	107
Lưu chuyển tiền thuần	32.2	-11.7	-45.0	78.5	35.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	84.8	73.1	28.1	107	142